

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày 10 tháng 3 năm 2023.
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Sỹ Thái và ông Bùi Đăng Ban.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Quỹ tín dụng nhân dân Q.

Địa chỉ: thôn QX, xã Q, huyện P, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985 và ông Hoàng Ngọc C, sinh năm 1976.

Văn bản ủy quyền số 25/2021/GUQ-QTDQH ngày 20/10/2021.

Đại diện cho nguyên đơn có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: thôn QX, xã Q, huyện P, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Huy K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn QX, xã Q, huyện P, tỉnh H.

Người đại diện cho anh K theo ủy quyền:

Bà Vũ Thị H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: thôn QX, xã Q, huyện P, tỉnh H.

Bà Vũ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số: TT02091/HĐTD ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân Q với bà Vũ Thị H, ngày 14/3/2012 thì bà H đã vay Quỹ tín dụng nhân dân Q số tiền 180.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm vay là 1,8%/ tháng, mục đích vay là buôn bán hàng hóa, thời hạn vay 12 tháng, trả nợ gốc 01 lần vào ngày 14/3/2013, trả lãi theo Quý, lãi suất quá hạn là 2,7%/tháng. Bên vay đã được giải ngân toàn bộ số vay thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 14/3/2012.

Kể từ khi vay cho đến nay bên vay mới trả được 49.446.000 đồng tiền lãi ngoài ra không trả cho quỹ được đồng nào. Đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng, bà H không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng nên từ ngày 14/12/2013 cho đến nay số nợ gốc 180.000.000 đồng của bà H đã chuyển thành nợ quá hạn.

Quỹ tín dụng nhân dân Q đã nhiều lần thông báo bằng văn bản yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính đến ngày 04/11/2022, bà H còn nợ như sau:

Số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: Từ ngày 14/3/2012 đến 14/12/2013 = 640 = $180.000.000đ \times 1,8\%/30 - 49.446.000$ đồng = 19.674.000 đồng.

Lãi quá hạn: Tạm tính từ ngày 14/12/2013 đến 04/11/2022 là 526.014.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bà H còn nợ tạm tính đến ngày 04/11/2022 là: 725.688.000 đồng.

Vì vậy Quỹ tín dụng Q khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị H phải trả cho Quỹ tín dụng Quang Hưng toàn bộ số nợ gồm: Số tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày 04/11/2022 là 725.688.000 đồng.

Từ ngày 04/11/2022, bà H phải tiếp tục trả lãi quá hạn cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu bên vay không trả được tiền nợ gốc thì bên vay còn phải chịu lãi suất quá hạn như hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ tín dụng nhân dân Q cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Bà Vũ Thị H là bị đơn trình bày:

Ngày 14/3/2012, bà H vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân Q, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên thể hiện tại Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2012 với tổng số tiền là 180.000.000 đồng, mục đích vay là để buôn bán hàng tạp hóa. Lãi suất vay là 1,8%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Thời hạn trả nợ là ngày 14/3/2013. Ngoài ra hợp đồng tín dụng còn quy định về lãi suất trong hạn và quá hạn. Bà H đã nhận được toàn bộ số tiền vay này. Bà H khẳng định khoản vay này là bà H vay của cá nhân bà H chứ không liên quan gì đến ai khác nên cá nhân bà H sẽ có trách nhiệm trả chứ không liên quan gì đến anh K.

Sau khi vay, bà H chỉ nhớ đã trả được lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân Q đến năm 2013 nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu, từ năm 2013 do khó khăn nên bà H không trả được lãi, còn số tiền nợ gốc bà H chưa trả được đồng nào. Cho đến nay bà H vẫn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Q toàn bộ 180.000.000 đồng tiền gốc và lãi của số tiền này từ năm 2013 cho đến nay. Bà H đã được Tòa án thông

báo về số tiền nợ gốc và lãi mà Quỹ tín dụng nhân dân Q yêu cầu bà H trả nợ, bà H nhất trí về số nợ gốc và lãi như Quỹ tín dụng nhân dân Q đã tính toán, bà H không thắc mắc gì.

Về yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Q, quan điểm của bà H như sau: Bà H khẳng định việc Quỹ tín dụng nhân dân Q khởi kiện đòi số tiền gốc 180.000.000 đồng, lãi như Quỹ tín dụng nhân dân Q tính toán tạm tính đến ngày 04/11/2022, tổng là 725.688.000 đồng là đúng. Bà H sẽ có trách nhiệm trả Quỹ tín dụng nhân dân Q toàn bộ số nợ này nhưng do bà H đang khó khăn nên đề nghị Quỹ tín dụng nhân dân Q cho bà H được trả dần tiền nợ gốc, còn về tiền lãi bà H đề nghị Quỹ tín dụng nhân dân Q được miễn, giảm tiền lãi.

Bà H đã được Tòa án cho xem hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2012, Giấy đề nghị vay vốn ngày 14/3/2012, Đơn xin gia hạn nợ ngày 14/3/2013, Giấy nhận nợ ngày 14/3/2012, Phiếu chi ngày 14/3/2012, hợp đồng thế chấp tài sản ngày 14/3/2012. Bà H khẳng định chữ ký và chữ viết ở phần bên vay, bên thế chấp, người viết đơn, người rút trong tất cả các văn bản này đúng là chữ ký và chữ viết của bà Vũ Thị H.

Bà H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bên vay phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Q toàn bộ số nợ gồm: Số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: Từ ngày 14/3/2012 đến 14/12/2013 là 19.674.000 đồng.

Lãi quá hạn: Tạm tính từ ngày 14/12/2013 đến 10/3/2023 là 546.426.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bà H còn nợ tạm tính đến ngày 10/3/2023 là: 746.100.000 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu bên vay không trả được tiền nợ gốc thì bên vay còn phải chịu lãi suất quá hạn như hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ tín dụng nhân dân Q cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bà H là nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của anh K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Q toàn bộ số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: Từ ngày 14/3/2012 đến 14/12/2013 là 19.674.000 đồng.

Lãi quá hạn: Tạm tính từ ngày 14/12/2013 đến 10/3/2023 là 546.426.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bà H còn nợ tạm tính đến ngày 10/3/2023 là: 746.100.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại là 33.844.000 đồng.

Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí

Các vấn đề khác không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Theo hợp đồng tín dụng số: TT02091/HĐTD ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân Q với bà Vũ Thị H, ngày 14/3/2012 thì bà H đã vay Quỹ tín dụng nhân dân Q số tiền 180.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm vay là 1,8%/ tháng, mục đích vay là buôn bán hàng hóa, thời hạn vay 12 tháng, trả nợ gốc 01 lần vào ngày 14/3/2013, trả lãi theo Quý, lãi suất quá hạn là 2,7%/tháng. Bên vay đã được giải ngân toàn bộ số vay thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 14/3/2012.

Kể từ khi vay cho đến nay bên vay mới trả được 49.446.000 đồng tiền lãi ngoài ra không trả cho quỹ được đồng nào. Đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng, bà H không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng nên từ ngày 14/12/2013 cho đến nay số nợ gốc 180.000.000 đồng của bà H đã chuyển thành nợ quá hạn.

Quỹ tín dụng nhân dân Q đã nhiều lần thông báo bằng văn bản yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính đến ngày 10/3/2023, bà H còn nợ như sau:

Số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: Từ ngày 14/3/2012 đến 14/12/2013 = 640 = 180.000.000đ x 640 ngày x 1,8%/30 = 49.446.000 đồng = 19.674.000 đồng.

Lãi quá hạn: Tạm tính từ ngày 14/12/2013 đến 10/3/2023 là 546.426.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bà H còn nợ tạm tính đến ngày 10/3/2023 là: 746.100.000 đồng.

Bên vay còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ.

Bà H là bị đơn và là người đại diện cho anh K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn thừa nhận còn nợ gốc là 180.000.000 đồng và các khoản lãi như nguyên đơn tính toán nhưng do khó khăn nên đề nghị nguyên đơn cho trả dần số tiền nợ gốc và xin toàn bộ số tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa Quỹ tín dụng nhân dân Q với bên vay, Hội đồng xét xử nhận định: Hai bên đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích nhằm thu lợi nhuận. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật. Anh K là con trai bà H không liên quan đến hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn đưa anh K vào người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp. Bà H là người ký kết hợp đồng tín dụng, bà H là người nhận tiền vay, sử dụng tiền vay nên bà H là người có nghĩa vụ phải trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Q.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 14/3/2012, Quỹ tín dụng nhân dân Q cho bà H vay số tiền 180.000.000 đồng, mục đích vay là kinh doanh hàng hóa. Cho đến nay, bà H mới trả được 49.446.000 đồng tiền lãi. Bà H còn nợ tạm tính đến ngày 10/3/2023 số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/3/2023 là 566.100.000 đồng. Bên vay thừa nhận số tiền nợ gốc như yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị trả dần số nợ gốc, xin toàn bộ số tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý. Mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng và không có tranh chấp nên cần chấp nhận mức lãi theo thỏa thuận của các bên.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/3/2023) là 746.100.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Q.

Buộc bà Vũ Thị H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Q toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng .

Tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/3/2023) là 566.100.000 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/3/2023) bà H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Q là: 746.100.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Vũ Thị H phải chịu 33.844.000 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

Hoàn trả lại Quỹ tín dụng nhân dân Q số tiền 16.513.760 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006198 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn